

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II.2012

- Mẫu số B01-CTCK : Bảng cân đối kế toán
- Mẫu số B02-CTCK : Kết quả hoạt động kinh doanh
- Mẫu số B04-CTCK : Lưu chuyển tiền tệ
- Mẫu số B09- CTCK: Thuyết minh báo cáo tài chính



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối Quý	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+15)	100		2,094,460,477,598	1,436,799,900,253
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1,293,813,080,815	630,953,770,665
1. Tiền	111		890,913,080,815	357,953,770,665
2. Các khoản tương đương tiền	112		402,900,000,000	273,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		291,378,675,599	335,103,322,791
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	473,399,806,961	570,045,345,753
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(182,021,131,362)	(234,942,022,962)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		506,547,770,293	467,946,017,939
1. Phải thu của khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	4,310,907,804	1,917,618,825
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	V.5	404,842,590,726	584,184,603,060
5. Các khoản phải thu khác	138	V.6	220,591,685,133	7,536,702,013
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(123,197,413,370)	(125,692,905,959)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,720,950,891	2,796,788,858
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	1,970,221,336	1,784,786,607
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	750,729,555	1,012,002,251

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B01-CTCK

Ban hành theo thông tư số 95/2008/TT-BTC

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Sửa đổi theo TT162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài Chính

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối Quý	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		51,525,139,788	51,213,294,484
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		42,077,460,778	43,368,499,083
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	9,916,387,325	9,420,220,740
<i>Nguyên giá</i>	222		37,707,024,208	34,483,712,041
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(27,790,636,883)	(25,063,491,301)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	24,494,760,048	25,583,810,372
<i>Nguyên giá</i>	228		37,160,014,151	35,969,683,151
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(12,665,254,103)	(10,385,872,779)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	7,666,313,405	8,364,467,971
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		-	-
<i>- Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>	254		-	-
<i>- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	255		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		9,447,679,010	7,844,795,401
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	1,002,821,994	1,422,164,572
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.13	8,444,857,016	6,422,630,829
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2,145,985,617,386	1,488,013,194,737

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Mẫu số B01-CTCK

Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNHBan hành theo thông tư số 95/2008/TT-BTC
ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Sửa đổi theo TT162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối Quý	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)		300		1,047,326,491,738	449,421,004,251
I. Nợ ngắn hạn		310		1,047,326,491,738	449,421,004,251
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.14	-	-
2. Phải trả người bán		312	V.15	895,503,691	1,508,632,555
3. Người mua trả tiền trước		313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.16	938,174,296	373,531,810
5. Phải trả người lao động		315		-	-
6. Chi phí phải trả		316	V.17	16,339,075,998	11,100,386,195
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319		238,306,600,518	108,984,633,563
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		320	V.18	790,229,098,735	327,152,878,628
10. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		321	V.19	617,728,500	188,181,500
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		322	V.20	310,000	112,760,000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323		-	-
13. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		327		-	-
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		328		-	-
15. Dự phòng phải trả ngắn hạn		329		-	-
II. Nợ dài hạn		330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn		334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-
10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư		359		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)		400		1,098,659,125,648	1,038,592,190,486
I. Vốn chủ sở hữu		410	V.22	1,098,659,125,648	1,038,592,190,486
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411		999,990,000,000	999,990,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412		95,000,000,000	95,000,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ		414		(3,310,000)	(3,310,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		418		32,656,202,830	32,656,202,831
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420		(28,983,767,182)	(89,050,702,345)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)		440		2,145,985,617,386	1,488,013,194,737

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	VIA số	Số cuối Quý	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001	-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004	5,287,485,735	5,287,485,735
5. Ngoại tệ các loại	005	-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006	2,913,572,550,000	2,864,493,620,000
Trong đó:			
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	2,837,813,630,000	2,760,053,520,000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	107,130,650,000	143,718,760,000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của thành viên trong nước	009	2,688,388,450,000	2,585,716,210,000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	42,294,530,000	30,618,550,000
6.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	011		
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	65,671,920,000	94,353,100,000
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013	3,310,000	50,000,000
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	65,663,090,000	94,289,000,000
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015	5,520,000	14,100,000
6.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	016	-	-
6.3 Chứng khoán cầm cố	017	10,087,000,000	10,087,000,000
6.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018	10,000,000,000	10,000,000,000
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	87,000,000	87,000,000
6.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	020	-	-
6.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	021	-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ	022	-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027	-	-
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032	-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037	-	-
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042	-	-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047	-	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	-	-
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	-	-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	196,445,790,000	226,668,470,700
10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	084	61,991,410,000	61,928,630,000

Lập ngày 12 tháng 07 năm 2012

Kế toán trưởng



Nguyễn Hà Ninh

Quyền Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II.2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	01		85,102,333,251	74,357,072,098	147,514,825,129	209,927,317,007
Trong đó:						
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		23,550,761,449	9,262,752,841	38,513,723,731	53,476,686,013
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		7,843,979,611	2,265,861,101	11,305,122,634	14,766,265,657
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-	-	-
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-	-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		175,454,545	285,050,505	355,454,545	535,454,545
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		-	10,909,091	20,250,000	40,500,000
Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu tư	01.7		-	-	-	-
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-	-	-
Doanh thu khác	01.9		53,532,137,646	62,532,498,560	97,320,274,219	141,108,410,792
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10-01-02)	10		85,102,333,251	74,357,072,098	147,514,825,129	209,927,317,007
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.1	38,749,270,127	145,203,523,527	54,837,929,295	70,926,588,463
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20-10-11)	20		46,353,063,124	(70,846,451,429)	92,676,895,834	139,000,728,544
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.2	16,829,715,476	16,374,001,611	32,921,030,818	49,012,346,160
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30-20-25)	30		29,523,347,648	(87,220,453,040)	59,755,865,016	89,988,382,384
8. Thu nhập khác	31	VI.3	137,946,274	35,085,121	311,785,921	485,625,568
9. Chi phí khác	32	VI.4	34,145	220,100,829	715,774	1,397,403
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		137,912,129	(185,015,708)	311,070,147	484,228,165
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		29,661,259,777	(87,405,468,748)	60,066,935,163	90,472,610,549
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	-	11,774,628,082	-	-
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		29,661,259,777	(99,180,096,830)	60,066,935,163	90,472,610,549
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.5	297	(992)	601	905

Kế toán trưởng

Nguyễn Hà Ninh

Lập ngày 12 tháng 07 năm 2012

Quyền Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II.2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		30,405,675,386	(129,679,608,827)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		5,006,526,906	4,115,734,893
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06		18,823,982,541	106,721,120,835
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		54,236,184,833	(18,842,753,099)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(834,986,201)	1,261,595,800,244
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	1,907,005
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		623,433,816,708	(1,286,337,575,495)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(233,907,849)	(522,080,967)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(14,691,051,986)	(103,621,775,006)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(10,000,000,000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		661,910,055,505	(157,726,477,318)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3,715,488,601)	(11,512,399,293)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4,664,743,246	7,679,016,051
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		949,254,645	(3,833,383,242)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B03 - CTCK

Ban hành theo T.Tư số 95/2008/TT-BTC

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Sửa đổi theo TT162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài Chính

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(150,650,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(150,650,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong Quý	50		662,859,310,150	(312,209,860,560)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	630,953,770,665	1,144,120,749,064
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối Quý	70	V.1	1,293,813,080,815	831,910,888,504

Kế toán trưởng

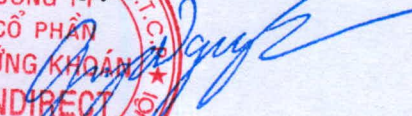


Nguyễn Hà Ninh



Lập ngày 12 tháng 07 năm 2012

Quyền Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDS

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu số B05 - CTCK**

Ban hành theo TT số 162 /2010/TT-BTC

ngày 20/10 / 2010 của Bộ Tài chính

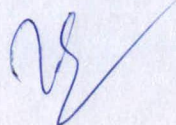
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**Quý II.2012**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm				Số dư cuối năm	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	999,990,000,000	999,990,000,000	-				999,990,000,000	999,990,000,000
Tăng vốn từ nguồn thặng dư vốn cổ								
Chia cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn								
Tăng vốn bằng tiền								
2. Thặng dư vốn cổ phần	95,000,000,000	95,000,000,000	-	-	-	-	95,000,000,000	95,000,000,000
Tăng vốn từ nguồn thặng dư vốn cổ								
Tăng vốn bằng tiền								
4. Cổ phiếu quỹ (*)	(3,310,000)	(3,310,000)	-				(3,310,000)	(3,310,000)
Mua lại cổ phiếu không phát hành hết								
8. Quỹ dự phòng tài chính	32,656,202,831	32,656,202,831	0				32,656,202,831	32,656,202,831
Trích lập quỹ trong năm								
10. Lợi nhuận chưa phân phối	113,907,425,481	(89,050,702,345)	0	202,958,127,826	60,066,935,163	0	(89,050,702,345)	(28,983,767,182)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn				0				
Phân phối quỹ				0				
Lợi nhuận trong năm				202,958,127,826	60,066,935,163			
Cộng	620,775,159,156	1,038,592,190,486	-	202,958,127,826	60,066,935,163	-	1,038,592,190,486	1,098,659,125,649

Lập ngày 12 tháng 07 năm 2012

Kế toán trưởng



Nguyễn Hà Ninh

Quyền Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II Năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Kinh doanh Chứng khoán
3. **Hoạt động chính trong năm** : Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

4. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 có 250 nhân viên đang làm việc tại Công ty

NĂM TÀI CHÍNH. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

II. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Công ty chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Công ty chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Nguyên tắc đánh giá tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	03 – 05
Dụng cụ quản lý	03 – 10
Phần mềm quản lý	03 – 10

4. Đầu tư tài chính

Thông tư số 95/2008/TT-BTC cho phép các Công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc và giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Giá vốn chứng khoán bán ra được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tức thời.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên thì không trích lập dự phòng.

Đầu tư tài chính khác

Các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

5. Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên Báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên Bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản, hoặc chi phí chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên Báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán được ghi nhận là doanh thu hoặc khoản phải trả, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

6. Giao dịch mua chứng khoán ký quỹ

Là giao dịch Công ty cho khách hàng mua chứng khoán thấu chi khi tài khoản khách hàng không đủ tiền. Chứng khoán đã mua được sử dụng để thế chấp cho phần thấu chi.

7. Chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

8. Chi phí phải trả

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

9. Nguồn vốn kinh doanh – quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập và sử dụng theo quy định và Điều lệ Công ty.

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá bán (khi nhận được Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

12. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

13. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

14. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

15. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng	890.913.080.815	357.953.770.665
Trong đó:		
Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	788.605.026.626	284.926.947.633
Các khoản tương đương tiền	402.900.000.000	273.000.000.000
Cộng	1.293.813.080.815	630.953.770.665

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****2. Đầu tư ngắn hạn***Tình hình nắm giữ chứng khoán ngắn hạn và đầu tư ngắn hạn như sau:*

	Số cuối quý	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu ngắn hạn	425.567.125.630	509.527.149.422
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	<i>157.275.036.640</i>	<i>300.476.372.061</i>
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	<i>268.292.088.990</i>	<i>209.050.777.361</i>
Đầu tư trái phiếu ngắn hạn	-	12.176.000.000
<i>Trái phiếu Công ty</i>	-	<i>12.176.000.000</i>
Đầu tư ngắn hạn khác	47.832.681.331	48.342.196.331
<i>Cho Công ty CP Địa ốc Minh Ngân vay</i>	<i>42.784.681.332</i>	<i>42.784.681.332</i>
<i>Hợp tác đầu tư</i>	<i>5.047.999.999</i>	<i>5.557.514.999</i>
Cộng	473.399.806.961	570.045.345.753

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Tình hình đầu tư chứng khoán như sau:*

Chỉ tiêu	Giá trị theo sổ kế toán		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối Quý	Đầu năm	Cuối Quý	Đầu năm	Cuối Quý	Đầu năm
+ Cổ phiếu	425.567.125.630	509.527.149.422	182.021.131.364	234.942.022.962	245.177.972.382	274.585.126.460
Ngân hàng TMCP An Bình	157.388.867.266	111.956.420.466	38.889.855.466	31.747.521.866	118.499.011.800	80.208.898.600
Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	177.505	21.541.859.251	-	8.959.254.251	216.000	12.582.605.000
Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng	-	2.958.425.424	-	1.030.131.024	-	1.928.294.400
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Hoàng Thành	110.871.856.029	97.062.900.000	30.418.300.029	-	80.4535.56.000	97.062.900.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	346.082.970	3.194.839.231	-	1.492.392.031	484.232.000	1.702.447.200
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển đô thị Sông Đà	100.928.420.000	100.928.420.000	84.423.050.000	91.962.540.000	16.505.370.000	8.965.880.000
Công ty cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	55.371.158.125	55.370.984.925	28.111.770.025	29.051.718.525	27.259.388.100	26.319.266.400
Công ty cổ phần Xây dựng số 3	-	97.691.041.542	-	66.789.784.942	-	30.901.256.600
Công ty cổ phần Ánh Dương Việt Nam	-	17.600.033.387	-	3.341.549.387	-	14.258.484.000
Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	526.397	-	-	-	528.200	-
CTCP Phát triển nhà Bà Rịa-Vũng Tàu	81.324	2.096.976	15.724	739.776	65.600	1.357.200
Các mã chứng khoán khác	659.956.014	1.220.128.220	178.140.120	566.391.160	1.975.604.682	653.737.060
+ Trái phiếu Công ty	12.176.000.000	12.176.000.000		-	-	12.176.000.000
Trái phiếu BIDV	-	12.176.000.000			-	12.176.000.000
Tổng cộng	425.567.125.630	521.703.149.422	182.021.131.364	234.942.022.962	245.177.972.382	286.761.126.460

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Cổ phiếu	Đã niêm yết	Chưa niêm yết	Cộng
Giá trị theo sổ kế toán	157.275.036.640	268.292.088.990	425.567.125.630
Giá trị theo thị trường	46.199.052.582	198.978.919.800	245.177.972.382
Số phải trích lập dự phòng tại 30/6/2012	112.707.962.171	69.313.169.190	182.021.131.362
Số đã trích tại 31/03/2012	203.189.396.906	31.752.626.056	234.942.022.962
Số trích lập năm nay	(90.481.434.735)	37.560.543.134	(52.920.891.600)

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty TNHH Tư vấn Quản lý C&A	550.000.000	550.000.000
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	192.432.000	192.432.000
Công ty TNHH Long	3.203.954.600	
Công ty TNHH Kỹ thuật Phương Đông ICA	10.000.000	10.000.000
Các đối tượng khác	354.521.204	1.165.186.825
Cộng	4.310.907.804	1.917.618.825

5. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

	Số cuối quý	Số đầu năm
Ứng tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư	61.817.878.832	7.840.227.476
Phải thu về bảo lãnh thanh toán tiền mua chứng khoán của người đầu tư (*)	312.847.098.467	492.091.459.458
Phải thu hoạt động tự doanh chứng khoán	18.395.002.040	83.797.716.126
Phải thu lãi các ngân hàng	11.782.611.387	-
Phải thu các hợp đồng mua bán lại chứng khoán	-	455.200.000
Cộng	404.842.590.726	584.184.603.060

(*) Công ty có quy định về thẩm quyền quyết định cho bảo lãnh thanh toán, danh mục các chứng khoán được sử dụng để bảo lãnh và tỷ lệ biên tương ứng. Thực tế, công ty có chế độ ưu đãi về tỷ lệ biên với các khách hàng lớn. Các quy trình, thủ tục cho phép bảo lãnh thanh toán, việc quản lý giám sát đều được thực hiện trên hệ thống phần mềm.

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Phải thu về cho cán bộ nhân viên vay vốn	1.887.800.000	1.887.800.000
Lãi cho cán bộ nhân viên vay vốn	75.975.333	75.975.333
Phải thu tiền ủy thác quản lý vốn	217.787.000.002	-
Phải thu về dự án IPA	-	287.578.273
Phải thu khác	840.909.798	5.285.348.407
Cộng	220.591.685.133	7.536.702.013

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****7. Dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Là dự phòng cho các khoản nợ khó có khả năng thu hồi. Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Quý này	Năm trước
Số đầu năm	125.692.905.959	14.814.102.783
Trích lập dự phòng bổ sung	8.363.747.944	123.941.047.030
Hoàn nhập dự phòng	10.859.240.533	13.062.243.854
Số cuối quý	123.197.413.370	125.692.905.959

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí CCDC, đồ dùng văn phòng	347.889.494	507.279.950
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.622.331.842	1.277.506.657
Cộng	1.970.221.336	1.784.786.607

9. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tạm ứng	221.032.089	147.010.821
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	529.697.466	864.991.430
Cộng	750.729.555	1.012.002.251

10. Tài sản cố định

	Máy móc và thiết bị	Dụng cụ quản lý	Cộng TSCĐ hữu hình	TSCĐ vô hình
Nguyên giá				
Số đầu năm	10.562.794.997	23.920.917.044	34.483.712.041	35.969.683.151
Mua sắm mới	2.819.206.566	404.105.601	3.223.312.167	1.190.331.000
Số cuối quý	13.382.001.563	24.325.022.645	37.707.024.208	37.160.014.151
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	4.764.784.985	20.298.706.316	25.063.491.301	10.385.872.779
Khấu hao trong năm	1.473.320.987	1.253.824.595	2.727.145.582	2.279.381.324
Số cuối quý	6.238.105.972	21.552.530.911	27.790.636.883	12.665.254.103
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	5.798.010.012	3.622.210.728	9.420.220.740	25.583.810.372
Số cuối quý	7.143.895.591	2.772.491.734	9.916.387.325	24.494.760.048

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển tăng TSCĐ trong kỳ	Số cuối quý
Phần mềm cho mạng xã hội "Vndirect community"	200.255.150		-	200.255.150
Phần mềm đặt lệnh	6.595.385.443		-	6.595.385.443
Thiết kế xây dựng tòa nhà CN HCM		808.000.000		110.000.000
Lắp đặt hệ thống chuyển mạch trung tâm (Core Switch)	1.506.154.566		1.506.154.566	
Phần mềm cho sàn giao dịch chứng khoán ảo Vndirect	62.672.812		-	62.672.812
Số cuối năm	8.364.467.971	808.000.000	1.506.154.566	7.666.313.405

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí CCDC, đồ dùng văn phòng	800.042.799	737.294.851
Chi phí sửa chữa tài sản	202.779.195	684.869.721
Cộng	1.002.821.994	1.422.164.572

13. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền nộp ban đầu	-	120.000.000
Tiền nộp bổ sung hàng năm	2.142.226.187	6.302.630.829
Số cuối quý	8.444.857.016	6.422.630.829

14. Phải trả người bán

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA	540.603.691	999.225.422
Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu	-	455.980.516
Các đối tượng khác	354.900.000	53.426.617
Cộng	895.503.691	1.508.632.555

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối quý	Số đầu năm
Thuế GTGT đầu ra	387.309	506.592
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	0	
Thuế thu nhập cá nhân của CBCNV	327.931.894	131.422.941
Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư	609.855.093	241.602.277

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thuế môn bài	0	
Thuế nhà thầu	0	
Các khoản phải nộp khác	0	
Cộng	938.174.296	373.531.810

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư chứng khoán không thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng. Các hoạt động khác chịu thuế giá trị gia tăng với mức thuế suất thuế là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Quý này	Quý trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29.661.259.777	30.405.675.386
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	(7.160.235.835)	
Chi phí không được loại trừ khi tính thuế	(2.495.492.589)	
Dự phòng nợ phải thu khó đòi (Chênh lệch tạm thời phải tính thuế)	(2.495.492.589)	
- Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)	(4.664.743.246)	(7.683.491.100)
Thu nhập chịu thuế	22.501.023.942	22.722.184.286
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	-	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí lãi phải trả	14.560.555.550	10.427.624.995
Hoa hồng môi giới	822.578.609	251.394.366
Phí giao dịch phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh	411.317.954	162.559.246
Phí giao dịch phải trả Sở Giao dịch Chứng	397.905.578	211.618.579

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

khoản Hà Nội		
Phí giao dịch phải trả các đại lý nhận lệnh	146.718.307	47.189.009
Các khoản chi phí văn phòng phải trả	-	-
Cộng	16.339.075.998	11.100.386.195
17. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		
Là các khoản tiền gửi của nhà đầu tư dùng để thanh toán giao dịch chứng khoán		
18. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		
	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty VNPT GLOBAL	504.076.200	
Công ty CP tập đoàn đầu tư IPA	112.861.500	112.861.500
Cổ tức các công ty khác	790.800	75.320.000
Cộng	617.728.500	188.181.500
19. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		
Là các khoản nhà đầu tư nộp tiền thực hiện quyền mua chứng khoán phát hành thêm phải trả cho tổ chức phát hành chứng khoán		
20. Phải trả, phải nộp khác		
	Số cuối quý	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	161.700.535	100.709.040
BHXXH, BHYT phải nộp	(22.133.181)	22.986.895
Tiền đặt cọc hợp đồng môi giới mua trái phiếu	236.999.500.000	106.510.554.658
Phải trả nhà ủy thác đầu tư tiền bán chứng khoán	135.961.129	135.952.139
Các khoản phải trả khác	1.031.572.035	2.214.430.832
Cộng	238.306.600.518	108.984.633.564

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****1. Doanh thu khác**

	Quý này	Quý trước
Lãi tiền gửi	37.515.150.967	25.822.049.833
Cổ tức	4.664.743.246	4.579.985.827
Thu lãi bảo lãnh tiền mua	11.151.068.209	32.130.462.900
Doanh thu khác	201.175.224	
Cộng	53.532.137.646	62.532.498.560

2. Chi phí hoạt động kinh doanh

	Quý này	Quý trước
Chi phí môi giới chứng khoán	12.544.023.748	3.734.405.695
Chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán	13.116.344.260	68.461.383.533
Chi phí dự phòng		-
Chi phí sử dụng vốn	13.088.902.119	73.007.734.299
Chi phí trực tiếp kinh doanh khác	-	-
Cộng	38.749.270.127	145.203.523.527

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý này	Quý trước
Chi phí nhân viên	8.214.186.580	7.363.373.158
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.535.112.101	2.085.824.618
Thuế, phí, lệ phí	-	110.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.080.416.795	6.924.693.835
Cộng	16.829.715.476	16.374.001.611

4. Thu nhập khác

	Quý này	Quý trước
Các khoản thu nhập khác	137.946.274	35.085.121
Cộng	137.946.274	35.085.121

5. Chi phí khác

	Quý này	Quý trước
Các khoản chi phí khác	34.145	220.100.829
Cộng	34.145	220.100.829

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý này	Quý trước
--	----------------	------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	29.661.259.777	30.405.675.386
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	29.661.259.777	30.405.675.386
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	99.999.000	99.974.707
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	297	304

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Quý này	Quý trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	99.999.000	99.974.707
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	99.999.000	99.974.707

7. Thu nhập của nhân viên

	Quý này	Quý trước
Tổng quỹ tiền lương	8.214.186.580	7.363.373.158
Tổng quỹ tiền thưởng	-	-
Tổng thu nhập	8.214.186.580	7.363.373.158
Tổng số cán bộ nhân viên	250	237
Tiền lương bình quân/tháng	10.952.249	10.356.362
Tổng thu nhập bình quân/tháng	10.952.249	10.356.362

Lập ngày 12 tháng 07 năm 2012

Kế toán trưởng**Nguyễn Hà Ninh****Quyền Tổng Giám đốc****Nguyễn Hoàng Giang**